TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 61/2024/DS-ST
Ngày: 29-5-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trang Văn Hai.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 559/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 578/2024/QĐST-DS ngày 08/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Chí T, sinh năm: 1976; cư trú: J76, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Anh T1, sinh năm: 2002; địa chỉ: khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và bà Ngô Thị Tuyết M, sinh năm 1988; địa chỉ: E Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; *(Theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 6 năm 2023).*

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1985; Trú tại: G khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T1 có mặt, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà hoàng Anh T2 trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết từ trước, ngày 09/3/2022 ông Trần Chí T cho ông Nguyễn Xuân H vay số tiền là 300.000.000đ. Hai bên thỏa thuận hình thức vay bằng lời nói, không lập thành văn bản; thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Phương thức giao nhận tiền: chuyển khoản, ông Trung chuyển k số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản

ngân hàng của ông H- tài khoản số 0481000753771 tại Ngân hàng TMCP N (V). Hai bên thỏa thuận đến đầu tháng 9/2022 ông H sẽ trả toàn bộ tiền gốc và lãi cho ông T. Tuy nhiên, đến thời hạn thanh toán, ông T đã nhiều lần yêu cầu ông H thanh toán số tiền trên nhưng ông H đưa ra nhiều lý do để khất lần, không thanh toán, trốn tránh nghĩa vụ.

Do đó, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Tại buổi làm việc ngày 28/12/2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, ông H cũng đã thừa nhận việc vay tiền với lãi suất 5%/tháng và cho đến hiện tại ông H vẫn chưa trả bất kì khoản tiền nợ gốc hay khoản tiền lãi nào cho ông T, đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP quy định về việc xác định lãi, lãi suất đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có thỏa thuận về lãi suất như sau:

"2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc tại thời điểm xác lập hợp đồng.

...

c) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khắc. Mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015."

Do đó, ông T yêu cầu ông Nguyễn Xuân H thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi (tạm tính đến ngày 29/5/2024) cho ông Trần Chí T, cụ thể:

1/ Số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng)

2/ Tiền lãi trong hạn (tạm tính từ 09/3/2022 đến 09/9/2022):

06 tháng x 1,66% x 300.000.000đ = 29.880.000 đồng (hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

- Tiền lãi quá hạn (tạm tính từ 10/9/2022 đến 29/5/2024): 20 tháng x 2,5% x 300.000.000đ = 150.000.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng cộng: 479.880.000đ (bốn trăm bảy mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền ông Nguyễn Xuân H phải thanh toán cho ông Trần Chí T tạm tính đến ngày 29/5/2024 là 479.880.000đ (bốn trăm bảy mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Ngoài yêu cầu trên ông T không yêu cầu gì khác.

** Căn cứ bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày:*

Vào ngày 09/03/2022, ông H có vay của ông Trần Chí T số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 5% để đầu tư vào đất đai và hứa vào tháng 09/2022 ông H sẽ hoàn trả lại. Nhưng do tình hình kinh tế về bất động sản ảnh hưởng nên ông H đã không chuyển nhượng được đất và không có nguồn tài chính để trả cho ông T. Ông H cũng thấy có lỗi và ảnh hưởng đến ông T và mong muốn chia nhỏ trả nợ dần và rất nhiều lần ông H muốn gặp ông T để thương lượng nhưng đều bị từ chối. Ông H rất mong muốn trả nợ cho ông T nhưng tình hình tài chính không cho phép và rất khó khăn nên không thể trả 01 lần cho ông T được. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn.

Với tình hình kinh tế khó khăn của ông H hiện nay, ông H rất muốn trả nợ cho ông T số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn. Hiện tại ông H rất khó khăn nên mong trả hàng tháng 20.000.000 đồng đến khi trả hết nợ cho ông T.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:***

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Nguyễn Xuân H có vay của ông Trần Chí T số tiền 300.000.000 đồng, được thể hiện tại giấy chuyển tiền của Ngân hàng TMCP N và quá trình làm việc ông H có lời khai thừa nhận có vay của ông T số tiền 300.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay, ông H chưa trả cho ông T được khoản nào. Như vậy ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông H phải trả tổng số tiền nợ 479.880.000đ (bốn trăm bảy mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 29.880.000đ (hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng); tiền lãi quá hạn: 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Chí T.

Về án phí:

- Ông Nguyễn Xuân H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Xuân H cư trú tại phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Trần Chí T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa buộc ông Nguyễn Xuân H trả cho ông T tổng số tiền gốc và lãi là 479.880.000đ (bốn trăm bảy mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Do vậy, Hội đồng xét xử xác định ông Trần Chí T là nguyên đơn, ông Nguyễn Xuân H là bị đơn và quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

[4.1] Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, ông Nguyễn Xuân H có vay của ông Trần Chí T số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận miệng với nhau thời hạn trả nợ vào ngày 09/03/2022 với lãi suất 5%/tháng. Từ khi vay tiền đến nay ông H chưa trả cho ông T được khoản nào. Căn cứ vào chứng từ giao dịch ủy nhiệm chi tại Ngân hàng V thể hiện ngày 09/3/2022, ông T có chuyển cho ông H số tiền 300.000.000 đồng. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án ông H có lời khai thừa nhận có vay của ông T số tiền gốc và thỏa thuận lãi suất như ông T trình bày trên là đúng. Như vậy, việc ông T có cho ông H vay số tiền 300.000.000 đồng là có thật. Quá trình vay, ông H chưa trả cho ông T khoản tiền nào. Đối chiếu quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự thì ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, việc ông T khởi kiện yêu cầu ông H trả cho ông T số tiền nợ gốc 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu về tiền lãi trong hạn: Quá trình vay, hai bên có thỏa thuận miệng với nhau là 5%/tháng. Do lãi suất này vượt quá mức quy định của pháp luật nên ông T chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông H trả tiền nợ lãi từ ngày 09/3/2022 đến ngày 09/09/2022 với lãi suất 1,66%/tháng. Xét thấy, mặc dù lãi suất hai bên thỏa thuận là không phù hợp với quy tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nhưng nay ông T đã tự nguyện tính lại lãi suất 1,66%/tháng phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tiền lãi trong hạn của ông T. Cụ thể số tiền lãi ông H phải trả cho ông T từ ngày 09/3/2022 đến ngày 09/9/2022 là: 300.000.000đ x 06 tháng x 1,66% = 29.880.000đ (hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

[4.3] Đối với yêu cầu về tiền lãi quá hạn: Ông Trần Chí T yêu cầu ông Nguyễn Xuân H phải thanh toán cho ông số tiền nợ lãi quá hạn (tạm tính từ 10/9/2022 đến 29/5/2024): 20 tháng x 2,5% x 300.000.000đ = 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Xét thấy, hai bên thỏa thuận thời hạn vay đến đầu tháng 9/2022. Tuy nhiên, quá thời hạn này, ông H vẫn không trả cho ông T khoản nợ gốc và lãi nào. Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định *"Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ*

trường hợp có thỏa thuận khác". Do đó, yêu cầu khởi kiện về tiền lãi quá hạn của ông T là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Xuân H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Về chi phí đăng trên cổng thông tin đại chúng: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Trần Chí T phải chịu 5.873.308 đồng. Ông T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Chí T về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân H.

1. Buộc ông Nguyễn Xuân H phải trả cho ông Trần Chí T tổng số tiền nợ là 479.880.000đ (bốn trăm bảy mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng); tiền lãi trong hạn: 29.880.000đ (hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng); tiền lãi quá hạn: 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.195.200đ (hai mươi ba triệu một trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

Hoàn trả cho ông Trần Chí T 11.562.500đ (mười một triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0007368 ngày 20/4/2023 và biên lai số 0002068 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP. Biên Hòa (02);
- Chi cục THADS TP . Biên Hòa (01);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS-VP(03).

Lê Thị Nguyệt